ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16 /2020/QĐ-UBND	*Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 5 năm 2020*

Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học
Tỉnh Hà Tĩnh
05.05.2020
15:03:28 +07:00

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/5/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, Ngành, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT. Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm TT-CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, PC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Tiến Hưng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 16 /2020/QĐ-UBND ngày 04/ 5/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc ban hành và tổ chức thực hiện chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Quy định này không điều chỉnh:

a) Chế độ báo cáo định kỳ tại các văn bản do các cơ quan nhà nước ở Trung ương quy định.

b) Báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề, báo cáo thống kê, báo cáo mật, báo cáo trong nội bộ từng cơ quan hành chính nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; cán bộ, công chức, viên chức và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc ban hành và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ.

Chương II
BAN HÀNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

Điều 3. Nguyên tắc ban hành chế độ báo cáo định kỳ

Thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

Điều 4. Yêu cầu về việc ban hành chế độ báo cáo định kỳ

1. Chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh phải được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh ban hành.

2. Chế độ báo cáo định kỳ được ban hành phải bao gồm tối thiểu các nội dung thành phần nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 và 9 Điều 7, đồng thời đáp ứng các yêu cầu tương ứng nêu tại Điều 8 Nghị định số 09/2019/NĐ-CP, trừ

trường hợp có quy định khác tại các văn bản của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng nhân dân tỉnh và cơ quan, người có thẩm quyền thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

Điều 5. Hình thức báo cáo và phương thức gửi, nhận báo cáo định kỳ

1. Hình thức báo cáo định kỳ

Báo cáo phải được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy hoặc văn bản điện tử.

2. Phương thức gửi, nhận báo cáo định kỳ

Báo cáo của các đơn vị, địa phương được gửi đến cơ quan nhận báo cáo định kỳ bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi qua phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc;

b) Gửi qua hệ thống thư điện tử công vụ;

c) Gửi qua fax;

d) Gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính;

đ) Gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo và các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ

1. Báo cáo định kỳ hằng tháng: Tính từ ngày 15 tháng trước đến hết ngày 14 của tháng thuộc kỳ báo cáo.

2. Báo cáo định kỳ hằng quý: Tính từ ngày 15 của tháng trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo.

3. Báo cáo định kỳ 06 tháng, 09 tháng và hằng năm:

a) Thời gian chốt số liệu 6 tháng đầu năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 06 của kỳ báo cáo. Thời gian chốt số liệu 06 tháng cuối năm được tính từ ngày 15 tháng 06 đến hết ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo 09 tháng: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 09 của kỳ báo cáo.

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ hằng năm: Tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến hết ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

d) Các báo cáo định kỳ khác, thời gian chốt số liệu phải được quy định cụ thể tại văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh.

Điều 7. Thời hạn gửi báo cáo định kỳ

Thời hạn gửi báo cáo phải bảo đảm thời gian không ít hơn 01 ngày làm việc tính từ thời điểm kết thúc việc lấy số liệu báo cáo đến thời hạn báo cáo, cụ thể như sau:

1. Thời hạn cơ quan được giao chủ trì gửi báo cáo định kỳ cho UBND tỉnh chậm nhất vào ngày 23 của tháng cuối kỳ báo cáo.

2. Thời hạn các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn và các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi báo cáo định kỳ cho UBND tỉnh (thông qua cơ quan được giao chủ trì) chậm nhất vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

3. Thời hạn các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan gửi báo cáo cho UBND cấp huyện chậm nhất vào ngày 17 của tháng cuối kỳ báo cáo.

Điều 8. Công bố danh mục báo cáo định kỳ

1. Danh mục báo cáo định kỳ được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Nội dung công bố gồm: Tên báo cáo, đối tượng thực hiện báo cáo, cơ quan nhận báo cáo, tần suất thực hiện báo cáo và văn bản quy định chế độ báo cáo.

2. Danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh phải được cập nhật, công bố thường xuyên khi có sự thay đổi. Các Sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh tổ chức rà soát chế độ báo cáo để kịp thời tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh quy định chế độ báo cáo định kỳ có hiệu lực thi hành.

Chương III
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

Điều 9. Ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chế độ báo cáo định kỳ

1. Các đơn vị, địa phương có trách nhiệm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp, chia sẻ thông tin báo cáo và tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình thực hiện báo cáo định kỳ.

2. Giá trị pháp lý của báo cáo điện tử và việc sử dụng chữ ký số, xây dựng các biểu mẫu điện tử thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

Điều 10. Yêu cầu về chức năng cơ bản của Hệ thống thông tin báo cáo

Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh được xây dựng trên cơ sở chế độ báo cáo do cơ quan, người có thẩm quyền và UBND tỉnh ban hành, trong đó phải bảo đảm chức năng hỗ trợ tạo lập chỉ tiêu, báo cáo theo biểu mẫu trên hệ thống; bảo đảm khả năng phân bổ chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo từ UBND tỉnh xuống các cơ quan, đơn vị trực thuộc, các tổ chức, cá nhân có liên quan; tổng hợp số liệu

báo cáo; cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng để cập nhật, chia sẻ số liệu báo cáo theo quy định và phục vụ báo cáo cho cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ

Hạ tầng kỹ thuật kết nối Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh phải được duy trì ổn định, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ.

Chương IV
QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

Điều 12. Quyền của các đơn vị, địa phương trong việc khai thác, sử dụng dữ liệu trên Hệ thống thông tin báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Các đơn vị, địa phương được quyền khai thác cơ sở dữ liệu về thông tin báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin báo cáo UBND tỉnh theo phân cấp quản lý.

2. Các đơn vị, địa phương tham gia thu thập, xử lý, cập nhật thông tin báo cáo được truy cập và khai thác cơ sở dữ liệu theo phân quyền; được quyền trích xuất dữ liệu do mình trực tiếp cập nhật để tổ chức thành bộ dữ liệu riêng phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo điều hành của mình.

Điều 13. Trách nhiệm công khai, chia sẻ thông tin báo cáo định kỳ

1. Các đơn vị, địa phương có trách nhiệm thực hiện cung cấp, chia sẻ và công khai thông tin báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều 9, Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin.

2. Đầu mối quản lý, lưu trữ, chia sẻ thông tin báo cáo định kỳ như sau:

a) Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh giúp UBND tỉnh quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo định kỳ do các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ban hành.

b) Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện giúp UBND cấp huyện quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo định kỳ do các cơ quan, đơn vị cấp huyện thuộc địa bàn quản lý ban hành.

c) Công chức văn phòng - thống kê của UBND cấp xã giúp UBND cấp xã quản lý, lưu trữ, chia sẻ các thông tin báo cáo định kỳ do UBND cấp xã ban hành.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ

1. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng quy trình, thời hạn của các chế độ báo cáo định kỳ.

2. Các thông tin, số liệu báo cáo định kỳ phải bảo đảm tính chính xác, khách quan, trung thực, phản ánh đúng thực tế.

3. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc chia sẻ, cung cấp thông tin, số liệu báo cáo định kỳ khi được yêu cầu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo định kỳ do mình cung cấp.

4. Người ký báo cáo định kỳ phải đúng thẩm quyền, phù hợp với từng loại báo cáo định kỳ và chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo định kỳ.

5. Bố trí cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, chuyên môn phù hợp để thực hiện công tác báo cáo định kỳ.

6. Các đơn vị, địa phương, công chức và cá nhân, tổ chức có liên quan có hành vi vi phạm quy định tại Quy định này, tùy theo tính chất và mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của các đơn vị, địa phương được bố trí trong kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí thực hiện chế độ báo cáo định kỳ của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân đó tự bảo đảm.

3. Kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, Hệ thống thông tin báo cáo của các đơn vị, địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công, đấu thầu, công nghệ thông tin và pháp luật khác có liên quan. Ưu tiên lựa chọn hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai nhiệm vụ được giao.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Các đơn vị, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ theo Quy định này.

2. Các Sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh thường xuyên rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo định kỳ đảm bảo phù hợp với yêu cầu phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước của tỉnh và các nội dung tại Quy định này.

Trường hợp chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có quy định chế độ báo cáo định kỳ thì phải lấy ý kiến của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh về quy định chế độ báo cáo định kỳ trong dự thảo văn bản.

3. Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí thực hiện trong dự toán chi thường xuyên hàng năm; hướng dẫn chi tiêu, quyết toán kinh phí tài chính để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

4. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh tổ chức xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, đảm bảo kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Hướng dẫn, tổ chức tập huấn nghiệp vụ cập nhật, khai thác, sử dụng dữ liệu từ Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

b) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị, địa phương thực hiện Quy định này và việc triển khai xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

c) Thẩm định, trình UBND tỉnh công bố danh mục báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

5. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các ngành, địa phương và tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Tiến Hưng